

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**&&&**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/01/2019.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Xương.

2/. Ông Huỳnh Khởi.

\* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lý Thị Tư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 459/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Gian Thị N**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 12B tổ 4, ấp T, thị trấn S, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Lư Thanh Q**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn S, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng(vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2018, nguyên đơn bà Gian Thị N trình bày: Bà và ông Lư Thanh Q sống chung với nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 2002, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/6/2004 do Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp. Quá trình sống chung, ông, bà có hai con chung là cháu Lư Anh T và Lư Khả T, sinh cùng ngày 28/4/2003, hai cháu đang sống với bà; ông, bà không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Trong thời gian chung sống, bà và ông Q phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, ông Q thiếu quan tâm gia đình, ông, bà thường xuyên cãi nhau. Bà và ông Q đã sống ly thân hơn 3 năm nay. Nay bà nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại nên yêu cầu được ly hôn với ông Lư Thanh Q.

Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của các cháu Lư Khả T và Lư Anh T, nếu các cháu muốn sống chung với bà thì bà đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lư Thanh Q đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và biết rõ việc bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và con chung giữa ông với bà N nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Cháu Lư Khả T và Lư Anh T có nguyện vọng được sống chung với bà Gian Thị N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lư Thanh Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[3] Về hôn nhân: Bà Gian Thị N và ông Lư Thanh Q tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2002, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Kế Sách cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/6/2004 nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà N cho rằng trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông Q thiếu quan tâm gia đình, ông, bà không còn sống chung với nhau khoảng 3 năm nay. Tại phiên tòa hôm nay bà N cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Q. Đối với ông Q, ông biết rõ việc bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông nhưng ông không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà N. Thấy rằng hôn nhân giữa bà N và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, cho bà được ly hôn với ông Q, để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[4] Về con chung: Bà N và ông Q có hai con chung là cháu Lư Anh T và Lư Khả T, sinh cùng ngày 28/4/2003. Hai cháu sống với bà N từ khi ông, bà không còn ở

chung với nhau, các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Bà N đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian sống với bà N, thì bà N lo cho các cháu ăn học đầy đủ, ông Q không có ý kiến, yêu cầu liên quan đến việc nuôi con và cấp dưỡng, cho thấy ông không quan tâm, thiếu trách nhiệm nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Lư Anh T và Lư Khả T, sinh cùng ngày 28/4/2003 cho bà Gian Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Ông Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Gian Thị N không yêu cầu.

[6] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lư Thanh Q, không ai được quyền ngăn cản.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Gian Thị N tự khai không có, không yêu cầu giải quyết, ông Lư Thanh Q không có ý kiến liên quan nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Gian Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Gian Thị N.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Gian Thị N được ly hôn với ông Lư Thanh Q.

2/. Về con chung: Giao cháu Lư Anh T và Lư Khả T, sinh cùng ngày 28/4/2003 cho bà Gian Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Lư Thanh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lư Thanh Q, không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Gian Thị N không yêu cầu giải quyết, ông Lư Thanh Q không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/. Về án phí: Bà Gian Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0004386 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND TT F;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thạch Viết Tâm**